

Số: /QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành mức thu học phí năm học 2026 - 2027**  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026;  
Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ ban hành Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành mức thu học phí năm học 2026-2027 của Trường Đại học Tây Nguyên, cụ thể:

- Đối với đào tạo Đại học hệ chính quy (*Phụ lục I kèm theo*)
- Đối với đào tạo Sau Đại học (Thạc sĩ, CKI – *Phụ lục II kèm theo*)
- Đối với đào tạo Tiến sĩ (*Phụ lục III kèm theo*)

**Điều 2.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa đào tạo và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Như điều 2;
- TT. CNTT&TV (đăng Website).
- Lưu: VT, KHTC;

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Thanh Trúc**

**PHỤ LỤC I**  
**MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2026 - 2027**  
**ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

(Ban hành theo Quyết định số:       /QĐ-ĐHTN ngày   /   /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Đơn vị tính: đồng

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Khối ngành</b>	<b>Mức học phí/tín chỉ</b>
<b>1</b>	<b>Khoa Kinh tế</b>		
1.1	Quản trị kinh doanh	III	523.000
1.2	Kinh doanh thương mại	III	526.000
1.3	Tài chính-Ngân hàng	III	511.000
1.4	Kế toán	III	523.000
1.5	Kế toán - Kiểm toán	III	523.000
1.6	Công nghệ tài chính	III	511.000
1.7	Kinh tế nông nghiệp	V	624.000
1.8	Kinh tế	VII	554.000
1.9	Kinh tế phát triển	VII	562.000
<b>2</b>	<b>Khoa Nông nghiệp</b>		
2.1	Công nghệ thực phẩm	V	584.000
2.2	Khoa học cây trồng	V	581.000
2.3	Bảo vệ thực vật	V	577.000
2.4	Lâm sinh	V	584.000
2.5	Chăn nuôi	V	584.000
2.6	Thú y	V	637.000
2.7	Quản lý đất đai	VII	534.000
<b>3</b>	<b>Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ</b>		
3.1	Sư phạm Toán học	I	508.000
3.2	Sư phạm Vật lý	I	508.000
3.3	Sư phạm Hóa học	I	501.000
3.4	Sư phạm Sinh học	I	497.000
3.5	Sư phạm Khoa học tự nhiên	I	494.000
3.6	Công nghệ sinh học	IV	525.000
3.7	Công nghệ sinh học y dược	IV	536.000

3.8	Công nghệ thông tin	V	619.000
<b>4</b>	<b>Khoa Sư phạm</b>		
4.1	Giáo dục Mầm non	I	497.000
4.2	Giáo dục Thể chất	I	504.000
4.3	Giáo dục Tiểu học	I	484.000
4.4	Giáo dục Tiểu học-Tiếng Jrai	I	481.000
4.5	Sư phạm Ngữ văn	I	487.000
4.6	Văn học	VII	542.000
4.7	Tâm lý học giáo dục	VII	542.000
<b>5</b>	<b>Khoa Lý luận chính trị</b>		
5.1	Giáo dục chính trị	I	523.000
5.2	Triết học	VII	570.000
<b>6</b>	<b>Khoa Ngoại ngữ</b>		
6.1	Sư phạm tiếng Anh	I	515.000
6.2	Ngôn ngữ Anh	VII	546.000
<b>7</b>	<b>Khoa Y Dược</b>		
7.1	Điều dưỡng	VI.1	719.000
7.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	VI.1	771.000
7.3	Y khoa	VI.2	977.000

**PHỤ LỤC II**  
**MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2026 - 2027**  
**ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (THẠC SĨ, CKI)**

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày / /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Khối ngành</b>	<b>Mức học phí/tín chỉ</b>
<b>1</b>	<b>Khoa Kinh tế</b>		
1.1	Quản lý kinh tế	VII	955.000
1.2	Kinh tế nông nghiệp	V	1.045.000
<b>2</b>	<b>Khoa Nông nghiệp</b>		
2.1	Khoa học cây trồng	V	1.045.000
2.2	Lâm học	V	1.045.000
2.3	Chăn nuôi	V	1.045.000
2.4	Thú y	V	1.045.000
<b>3</b>	<b>Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ</b>		
3.1	Sinh học thực nghiệm	IV	965.000
3.2	Vật lý, lý thuyết & Vật lý toán	IV	965.000
3.3	Toán giải tích	V	1.045.000
<b>4</b>	<b>Khoa Sư phạm</b>		
4.1	Ngôn ngữ học	VII	955.000
<b>5</b>	<b>Khoa Y Dược</b>		
5.1	Khoa học Y sinh	VI.2	1.667.000
5.2	Nội tổng quát (chuyên khoa cấp I)	VI.2	1.050.000

**PHỤ LỤC III**  
**MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2026 - 2027**  
**ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày / /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)  
Đơn vị tính: đồng

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Khối ngành</b>	<b>Mức học phí/tín chỉ</b>
<b>1</b>	<b>Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ</b>		
1.1	Công nghệ sinh học	IV	1.508.000
<b>2</b>	<b>Khoa Nông nghiệp</b>		
2.1	Khoa học cây trồng	V	1.633.000
2.2	Lâm sinh	V	1.633.000
2.3	Kinh tế nông nghiệp	V	1.633.000
2.4	Chăn nuôi	V	1.633.000